

Số: 1345083

|                                                | Mazda3 1.5L Luxury  | Mazda2 Sport 1.5L Premium |
|------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>644.000.000đ</b> | <b>544.000.000đ</b>       |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                     |                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4660 x 1795 x 1440  | 4080 x 1695 x 1515        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2725                | 2570                      |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5300                | 5000                      |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 145                 | 143                       |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1330                | 1092                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1780                | 1524                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 450                 | 280                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 51                  | 44                        |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                   | 5                         |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước    | Nhập Khẩu                 |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                     |                           |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 1.5L     | Skyactiv-G 1.5L           |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1496                | 1496                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 110 / 6000          | 110 / 6000                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 146 / 3500          | 144 / 4000                |
| Hộp số                                         | 6AT                 | 6AT                       |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)     | Cầu trước (FWD)           |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson  | Độc lập Mc Pherson        |
| Hệ thống treo sau                              | Thanh xoắn          | Thanh xoắn                |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                 | Đĩa                       |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                 | Đĩa                       |
| Thông số lốp xe                                | 205/60 R16          | 185/60 R16                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.35                | 7.26                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.32                | 4.88                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.8                 | 5.75                      |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                   | ●                         |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport        | Normal/Sport              |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                     |                           |
| Cụm đèn trước                                  | LED                 | LED                       |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                   | ●                         |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                   | ●                         |
| Đèn ban ngày LED                               | Halogen             | ●                         |
| Cụm đèn sau                                    | LED                 | Halogen                   |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                   | ●                         |
| Gạt mưa tự động                                | ●                   | ●                         |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                     |                           |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                   | ●                         |
| Chất liệu ghế                                  | Da                  | Da + Nỉ                   |
| Ghế người lái chỉnh điện                       | ●                   | -                         |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                    | ●                   | -                         |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ             | ●                   | ●                         |

|                                            |                  |                  |
|--------------------------------------------|------------------|------------------|
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | Analog & Digital | Analog + Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 8.8              | 7"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 2                | 1                |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                   | ●                | -                |
| Chìa khóa thông minh                       | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                          | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                          | 8 loa            | 6 loa            |
| Lấy chuyển số                              | ●                | ●                |
| Phanh đỗ điện tử                           | ●                | -                |
| Giữ phanh tự động Autohold                 | ●                | -                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                 | ●                | ●                |
| <b>AN TOÀN:</b>                            |                  |                  |
| Số túi khí                                 | 7                | 6                |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●                | ●                |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●                | ●                |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●                | ●                |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●                | ●                |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●                | ●                |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●                | ●                |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●                | ●                |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau              | Sau              |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●                | ●                |
| Camera lùi                                 | ●                | ●                |